

## NGUYỄN BÌNH – NGƯỜI KỂ CHUYỆN CHÂN QUÊ

Lý Toàn Thắng\*

Bây giờ, giữa vòng vây của cuộc sống thành thị ồn ào, vội vã, đầy phiền muộn và bất trắc, ta thường hay ước ao có được một ngày thanh thoi để đi về một miền thôn dã - nơi có không gian của bên nước bờ ngô, có sắc màu của ruộng lúa hồ sen, có hương vị của hoa cau, hoa sói, và trên hết, có những người đàn ông đàn bà thuần phác, hiền lành,...

Nhưng nếu ta không kiếm ra được một ngày như thế, một ngày “giang hồ vật” như Vũ Hoàng Chương từng gọi và kể lại (một ngày lãng du cùng Tô Hoài và Nguyễn Bình) thì ta cũng có thể đành lòng vậy, tạm làm theo một cách khác: đóng cửa phòng lại, một mình, và tìm về với Nguyễn Bình, đọc những dòng thơ Lục Bát chân quê của ông, đầy hương đồng gió nội, có duyên làm sao, tài hoa làm sao...

Hoài Thanh xếp Nguyễn Bình vào “dòng Việt”, tức là gồm một số ít nhà thơ mà “*thơ của họ có tính cách Việt Nam rất rõ rệt*”, “*có chịu ảnh hưởng phương Tây nhưng rất ít và cũng không chịu ảnh hưởng của thơ Đường*” (như Lưu Trọng Lư, như Nguyễn Nhược Pháp,...). Ông cũng đánh giá rằng: “*Sau này Nguyễn Bình đi tìm chất Việt Nam lại trở về ca dao. Thơ Nguyễn Bình có cái vẻ mộc mạc của những câu hát đồng quê*”.

Thơ Nguyễn Bình mang đậm hồn quê - đọc thơ ông ai cũng thấy vậy, cảm vậy, một cách dễ dàng, một cách thấm thía.

Về nội dung, ta dễ thấy cái hồn quê này trong thế giới nghệ thuật của ông, một thế giới đậm đặc những sự vật, cảnh vật của chốn thôn quê: nào cây chanh cây bưởi, hàng cau giàn giầu, nào bến đò con sông, giếng đá vườn dâu, nào đám lễ chùa đám hội chèo, nào thôn Đông thôn Đoài, nào anh lái đò, cô hái mơ...

Về hình thức, về chân quê ấy dễ thấy nhất là thơ Lục Bát. Những câu thơ Lục Bát của ông đọc lên nghe quen thân như ca dao, nhưng là ca dao của riêng ông, của Nguyễn Bình, với một giọng điệu riêng, không lẫn vào ai.

---

\* GS. TSKH. – Viện Ngôn ngữ học

Trong kho tàng thơ Việt Nam, may thay, có rất nhiều bài “thơ”, câu “thơ” Lục Bát, đẹp và hay, như ở Ca dao, như ở truyện “Kiều” của Nguyễn Du, như ở thời Thơ Mới của Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận,... rồi sau này như của Tố Hữu, Nguyễn Duy,... Những câu Lục Bát đích thực là thơ, của những chân tài, còn mãi với thời gian:

*Người lên ngựa, kẻ chia bào  
Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san*  
(Nguyễn Du)

*Mây hồng ngừng lại sau đèo  
Mình cây nắng nhuộm, bóng chiều không đi*  
(Thế Lữ)

*Lá hồng rơi lặng ngõ thôn  
Sương trinh rơi kín từ nguồn yêu thương*  
(Xuân Diệu)

*Nghe đi rời rạc trong hồn  
Những chân xa vắng dặm mòn lẻ loi*  
(Huy Cận)

Và nhất là Lục Bát của Nguyễn Bính, riêng đi một tài hoa, cái tài hoa làm ta xúc động đến nao lòng vì được trở về với hồn xưa của ta, gốc gác làng quê của ta, mà chỉ bằng những lời thơ mộc mạc đến đơn sơ! Cái tài hoa làm ra những câu thơ tự nhiên, chân tình đến mức ta cứ nghĩ không phải ông làm ra chúng, mà là chúng tự chảy ra từ hồn ông, như những dòng nước mùa xuân chảy ra từ hồn núi.

Những lời thơ ấy của ông đẹp như người thiếu nữ thôn quê, e ấp, kín đáo, mà rất ý vị, mặn mà...

Đọc thơ Nguyễn Bính không thấy có gì đặc biệt về vần điệu. Ấu cũng là điều dễ hiểu, vì thơ Lục Bát vốn rất nghiêm ngặt về vần Bằng ở chữ thứ sáu của câu Lục và chữ thứ sáu của câu Bát.

Thanh điệu thơ ông, sự hòa phối Bằng-Trắc, Cao-Thấp giữa các thanh trong mỗi dòng thơ, nhìn chung, cũng không được ông dụng công nhiều, như một hai nhà thơ khác. Tôi nói là “nhìn chung”, vì sự thực, Nguyễn Bính cũng có những câu rất tài, rất hay, ví dụ:

*Hôm qua em đi tỉnh về*

Câu này là một câu thơ phá cách, không theo âm luật Lục Bát phải có thanh Trắc ở chữ thứ tư. Nguyễn Bính dùng một thanh Bằng: “đi”, nhưng câu thơ nghe vẫn êm xuôi, ấy là nhờ hơi thơ đi rất tự nhiên, y như trong ca dao:

*Con cò mà đi ăn đêm*

Câu cú chữ nghĩa trong thơ ông cũng vậy, có vẻ như ông không bỏ công sức gì lắm, để có được những “nhân tự” chói ngời lên giữa dòng thơ.

Tất cả - là vì thơ Nguyễn Bính không chú mục tả cảnh, tả tình; Lục Bát tự sự mới là khó, như chính ông từng bảo vậy!

Tôi vẫn nghĩ từ lâu: cái làm nên một thi sĩ Nguyễn Bính chân quê của hồn quê, của tình quê, chẳng giống ai, có lẽ quan trọng nhất là ở cái giọng điệu riêng của ông khi ông tự sự, trần thuật.

Nguyễn Bính là “Nhà thơ – Kể chuyện”, ông giải bày lòng ông hay lòng người khác, đầy ắp những yêu thương, những tương tư, những tan vỡ - như người thôn quê nhỏ to kể kể nguồn cơn, khi cây cày khi gặt hái, theo truyền thống ngàn xưa “tắt lửa tối đèn có nhau”.

Chức năng ngôn ngữ của những lời thơ Kể chuyện như thế chủ yếu là để “thông báo” về sự việc, bằng những câu chữ được dùng với nghĩa đen, chứ không phải là chức năng “biểu hiện”, bằng những câu chữ được dùng với nghĩa bóng (ẩn dụ, hoán dụ...).

Ở Nguyễn Bính, vì thế, ta không bắt gặp những câu thơ Lục Bát tả tình tả cảnh, đẹp theo kiểu của Thế Lữ, Huy Cận hay Xuân Diệu:

*Tiếng đưa hiu hắt bên lòng  
Buồn ơi! Xa vắng, mênh mông là buồn  
Đêm mưa làm nhớ không gian  
Lòng run thêm lạnh nỗi hàn bao la*

Câu thơ của ông được tổ chức giống như lối văn trần thuật điển hình trong các truyện Cổ tích, nghĩa là: thứ nhất, nó bao giờ cũng gắn với cái trục “Thời gian - Địa điểm - Nhân vật trung tâm” kiểu “Ngày xưa/ở một làng kia/có hai ông bà đã già/mà chưa có con”. Người Kể chuyện Nguyễn Bính thường là kẻ chứng kiến sự việc, mà sự việc thì đã xảy ra, và ông nhớ lại, và ông suy ngẫm, và ông giải thích. Thứ hai, nó thường bắt đầu bằng Chủ ngữ nêu ra cái Đề mục của câu

chuyện rồi tiếp sau là Vị ngữ có vai trò Thuyết minh về Chủ ngữ làm gì, ra sao. Hãy xem những lời kể chuyện như thế của ông (tôi in đậm Chủ ngữ cho dễ thấy-LTT):

- *Nhà nàng ở cạnh nhà tôi*  
*Cách nhau cái đậu mùng toi xanh rờn*  
***Hai người** sống giữa cô đơn*  
*Nàng như cũng có mối buồn giống tôi*  
 - *Hôm qua em đi tỉnh về*  
***Hương đồng, gió nội** bay đi ít nhiều*  
 - *Em nghe họ nói mong manh*  
*Hình như họ biết...chúng mình với nhau*  
 - ***Quan Trạng** đi bốn lọng vàng*  
*Cờ thêu tám lá qua làng trang nghiêm*  
***Mọi người** hớn hở ra xem*  
*Chỉ duy có **một cô em** hơi buồn*  
 - *Hôm qua lá thấy tôi buồn*  
*Lìa cành theo gió lá luôn qua song*

Thơ Nguyễn Bính không phải là “Thơ-Viết (ra)”, mà là “**Thơ-Nói (ra)**”, nó rất tự nhiên như hơi ta thở, như cái ta ăn, như giấc ta ngủ.

Đó là những kết hợp từ ngữ theo ngữ pháp và ngữ nghĩa thông thường của lời ăn tiếng nói hàng ngày. Nó không chung chung mơ hồ, chẳng nói rõ về ai; nó không phức tạp, không cầu kỳ, không đa ý đa nghĩa; nó không quá hàm xúc, dồn nén nhiều ý tứ vào một dòng thơ; nó không khai thác đến mức triệt để cái ưu thế của thanh Bằng và nhịp Chẵn; như ở nhiều nhà thơ cùng thời làm Lục Bát; lệ như:

*Tương tư/ hương lạc/ phương mờ*  
*Trở nghiêng gối mộng/ hững hờ nằm nghe*

Trong giọng điệu kể chuyện của Nguyễn Bính, cái chất “chân quê” thường được tô đậm nhờ chỗ trong lúc trần thuật ông khéo léo “**nói ra**”, chỗ này chỗ khác, những câu chữ cửa miệng hàng ngày, những cách nói dân gian chế biến từ thành ngữ, tục ngữ hay những kiểu đưa đẩy vào chuyện rất đặc trưng của ca dao:

- ***Thế rồi** vua mở khoa thi*  
***Thế rồi** quan Trạng vinh quy qua làng*

- Nhà em xa cách **quá chùng**  
 Em van anh **đấy**, anh đừng thương em  
 - **Nào đâu cái áo tứ thân**  
**Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen**  
 - **Láng giềng đã đổ đèn đâu**  
 Chờ em **ăn giập miếng giầu**, em sang  
 - **Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông**  
 Một người **chín nhớ mười mong** một người  
 - **Lòng em như chiếc lá khoai**  
**Đổ bao nhiêu nước ra ngoài bấy nhiêu**  
 - **Hoa chanh nở ở vườn chanh**  
 Thày u mình với chúng mình chân quê

Và chúng đậm đặc trong “Lỡ bước sang ngang”, một bài thơ lâm ly về một người chị lỡ làng, cho thấy lời thơ của Nguyễn Bính và tiếng Việt của ông bình dị tốt cùng mà cũng trong sáng, sâu xa tốt cùng. Chẳng thế mà biết bao người - trong đó có tôi - yêu thơ ông cũng là vì đã đọc “Lỡ bước sang ngang”:

- **Mẹ già một nắng hai sương**  
 Chị đi một bước trăm đường xót xa  
 - **Một vai gánh vác giang san**  
 Một vai nữa gánh muôn vàn nhớ thương  
 - **Tuổi son nhạt phách phai đào**  
 Đây thuyền hận có biết bao nhiêu người  
 - **Dù em thương chị mười phần**  
 Cũng không ngăn nổi một lần chị đi

Thơ - Kể chuyện, cũng như Văn - Kể chuyện, muôn hay, cốt truyện phải hấp dẫn, tình tiết phải ly kỳ, dặt dẵn phải khéo léo. Người Trung Quốc là một ví dụ, họ kể truyện Tam Quốc, Thủy Hử ngoài đường, cho đám đông nghe, thành một thứ nghề để kiếm sống. Họ kể rất tài.

Nguyễn Bính tài còn hơn vậy rất nhiều!

Trong nền thơ ca Việt Nam ông là Người Kể chuyện có duyên nhất, tuy về sau này ta thấy cũng có những nhà thơ khác, kể chuyện cũng rất hay, như Hữu Loan trong “Màu tím hoa sim”, Vũ Cao trong “Núi đôi”, Giang Nam trong “Quê hương”,...

Một đặc trưng cốt lõi của lối Kể chuyện dân gian kiểu Nguyễn Bính là điệu thức của ông rất chậm, ông kể thong thả từ tốn, nhón nha nhón nhơ, không vội vàng hấp tấp, cứ lần lượt thứ tự theo thời gian của các biến cố, hành động mà kể. Điển hình như những câu thơ:

*Từ ngày cô đi lấy chồng  
Góm sao có một quăng đồng mà xa  
Bờ rào cây bưởi không hoa  
Qua bên nhà thấy bên nhà vắng teo*

hay:

*Bảo rằng cách trở đò giang  
Không sang là chẳng đường sang đã đành  
Nhưng đây cách một đầu đình  
Có xa xôi mấy mà tình xa xôi*

Nét đặc trưng thứ hai trong lối Kể chuyện của Nguyễn Bính, nói nôm na là “chuyện cũ viết lại”, nghĩa là cái đã xảy ra trong đời ông hay đời ai đó nay được ông nhớ lại và trần thuật chúng: cái “Nàng - Người hàng xóm” chỉ là một hoài niệm, một hồi ức buồn; cái chuyện “em đi tỉnh về” cũng là chuyện “hôm qua” bữa nay Nguyễn Bính nói lại mà thôi; cái “anh lái đò” cũng thế, với “giấc mơ năm xưa chở thuyền” cho cô gái, bây giờ nghe “đồn rằng” nàng đi lấy chồng rồi, mới buồn lòng mà ôn lại chuyện cũ; và cái chuyện “tương tư” của thôn Đoài với thôn Đông thì cũng “thức mấy đêm rồi”...

Trong cách Nguyễn Bính kể chuyện, ông rất khéo léo về tình tiết, nó không thiếu không thừa, đưa ra rất đúng lúc đúng chỗ. Ông không tả kỹ người ra làm sao, cảnh như thế nào; chi tiết của ông dường như cốt chỉ là để dắt ta đi, từ mạch này nối sang mạch khác của biến cố, bắt ta phải suy ngẫm, và ta bỗng ngạc nhiên vì tưởng câu chuyện nó sẽ phải thế nhưng hóa ra lại không phải thế, thực thú vị thay. Thí dụ, khi Nguyễn Bính bắt đầu kể:

*Nhà nàng ở cạnh nhà tôi*

là ta thấy tò mò, chờ xem tiếp theo là chuyện gì đây. Ta dễ nghĩ là có thể ông sẽ vẽ ra chân dung cô gái, rằng nàng đẹp lắm, sẽ tả hành vi của nàng rằng nàng dễ thương lắm. Nhưng không, chỉ thấy ông đưa ra một chi tiết, chẳng phải gì về cô gái mà là về cửa nhà:

*Cách nhau cái đậu mừng toi xanh rờn*

Cái chi tiết này đắt lắm. Ngày xưa Thúy Kiều phải dùng cảm khó khăn “xăm xăm băng lối vườn khuya một mình” sang nhà Kim Trọng, nay hai người này có mỗi cái bờ rào, mà cũng không phải làm bằng thứ cây rậm cứng như cây duối hay cây dâm bụt, nó chỉ là “đậu mừng toi”, giống cây thân leo lá mềm, yếu ớt thế, đậu có ăn nhằm chi. Chắc là họ sẽ đến với nhau rất dễ dàng - ta nghĩ vậy, và ta chờ đợi.

Cái sự tò mò nơi ta lại được tăng thêm, khi Nguyễn Bính cấp thêm một chi tiết mới, rằng chàng và nàng đều ở một mình. Ôi chao, trong chuyện tình cảm thực mấy khi mà có cơ hội trời cho như vậy:

*Hai người sống giữa cô đơn*

và còn thuận lợi hơn thế nữa, khi chàng cho biết:

*Nàng như cũng có mối buồn giống tôi*

Nhưng rồi...đọc câu thơ tiếp theo thì thật buồn, thật tức, mà cũng thật thương! Nguyễn Bính bộc lộ thêm một tình tiết nữa, giải bày thêm một tâm sự nữa.

Hóa ra chàng nhút nhát quá, tội nghiệp quá! Chàng là đấng nam nhi mà không mạnh mẽ bằng người thiếu nữ như Thúy Kiều, chứng tỏ cái tình của chàng với nàng chỉ là tình mơ mộng băng quơ, là tình tương tư lãng mạn, chứ chưa lên tới đỉnh điểm của một tình yêu đích thực, cháy bỏng, dám vượt qua tất cả.

Chưa chi chàng đã nêu ra một điều kiện thuận lợi giả thiết mà không thực tế (“Giá” mà), để ra vẻ khẳng định chắc chắn sẽ xảy ra cái chuyện ấy (“*Thế nào*” cũng). Kỳ thực, chàng chỉ biện hộ cho sự e sợ của chàng, và chàng đã ao ước hão huyền:

*Giá đừng có đậu mừng toi**Thế nào tôi cũng sang chơi nhà nàng*

Cái chàng “tôi” này của Nguyễn Bính không phải là người thanh niên nơi thôn dã, tình này không phải là tình quê, mà là hóa thân của Nguyễn Bính- cái người thành thị tuy mang hồn quê nhưng vẫn chưa hết dấu thị thành...

Thơ Nguyễn Bính có cái vẻ mộc mạc của những câu hát đồng quê trong ca từ Lục Bát, điều này ta rất dễ thấy.

Nhưng đằng sau cái vẻ mộc mạc ấy, là rất nhiều những cách tân theo tinh thần thời đại, điển hình là về nhịp điệu. Nó làm cho Nguyễn Bính vẫn đúng là một Nhà Thơ Mới chính danh, vượt lên một tầm cao hơn, về cấu trúc nhạc tính của câu thơ, so với ca dao truyền thống.

Lục Bát, như ta biết, trong mỗi dòng thơ của nó nhịp điệu chủ đạo là nhịp chẵn; nó là nhịp điệu quen thuộc, tự nhiên, gần như đã thành một thứ bản sắc dân tộc, ăn sâu vào tâm thức thi ca của người Việt. Đó là các nhịp: 2/2/2, 2/4, 4/2 ở dòng Lục, và: 2/2/2/2/, 2/6, 6/2, 4/4, 2/4/2 ở dòng Bát; chúng làm cho những câu thơ Lục Bát cổ điển nghe nhịp nhàng và du dương, mượt mà và uyển chuyển:

- Cầu này/ cầu ai/ cầu ân

*Một trăm con gái/ rửa chân cầu này (Ca dao)*

- Dưới cầu/ nước chảy/ trong veo

*Bên cầu/ tơ liễu/ bóng chiều/ thướt tha (Kiều)*

nhưng đôi khi vì sự lặp lại của chúng, câu thơ Lục Bát cũng trở nên có phần phẳng lặng, đơn điệu, nhất là trong một bài thơ dài.

Nguyễn Bính biết rõ điều này, và ông thay đổi, cách tân. Ông tạo ra các nhịp lẻ, một cách cố ý, dựa vào lối nói hồn nhiên, mộc mạc của dân gian, đem lại cho thơ Lục Bát của ông một vẻ riêng, hiếm gặp ở ca dao hay những nhà thơ khác.

Trong Truyện Kiều, Nguyễn Du cũng rất chú ý tới nhịp lẻ để đa dạng hóa đến mức tối đa nhịp điệu của từng dòng thơ, của cả cặp Lục Bát, tránh được sự buồn tẻ của thanh Bằng, vận Bằng, nhịp đôi - vốn là những đặc trưng cố hữu của Lục Bát cổ điển. Trong 02 dạng nhịp lẻ ở dòng Lục: 3/3, 1/5 và 04 dạng nhịp lẻ ở dòng Bát: 3/5, 5/3, 1/7, 1/3/4, Nguyễn Du chủ yếu dành nhịp lẻ 3/3 cho câu Lục và đồng thời thường có tiểu đối kèm theo:

*Mai cốt cách/ tuyết tinh thần*

*Làn thu thủy/ nét xuân sơn*

*Khi tựa gối/ khi cúi đầu*



ít gặp hơn là nhịp lẻ ở các dòng Bát:

*Nửa chùng xuân/ thoát/ gầy cành thiên hương*

Nguyễn Bính, một mặt, học theo Nguyễn Du (người ông rất đổi kính phục) và mặt khác, ông có những cách thức riêng: rất ít thấy tiểu đối trong thơ ông, và điều này mới thú vị hơn - ông sử dụng nhịp lẻ ở cả dòng Lục lẫn dòng Bát, và có khi dòng Bát còn nhiều nhịp lẻ hơn cả dòng Lục.

Nhịp chẵn hay lẻ, tuy nhiên, không phải là câu chuyện thuần túy thanh âm, do thi nhân tự tung tự tác. Có cái nọ thì có cái kia – nó là cái lẽ huyền diệu của Tạo hóa, là câu chuyện nhị nguyên của vũ trụ, như trời với đất, như âm với dương...

Với Nguyễn Bính, nó là lời quê mộc mạc trực tiếp đi vào thơ, dường như người thôn quê nói làm sao thì ông chép vào làm vậy:

*Tôi chiêm bao/ rất nhẹ nhàng*

*Chị bây giờ.../ nói thế nào*

*Rồi đêm kia/ lệ rờn rờn*

*Rồi.../ rồi chị nói sao đây*

*Qua bên nhà/ thấy bên nhà/ vắng teo*

*Ba gian trống/ một mảnh vườn/ xác xơ*

*Đầy thuyền hận/ chị không lo tới bờ*

*Một vai nĩa/ gánh muôn vòn/ nhớ thương*

Với Nguyễn Bính, nó là tình ý hiện ra thành nhịp điệu.

Cái sức diễn tả của nhịp chẵn, nhịp lẻ tuy có chỗ giống nhau, nhưng cũng có chỗ khác. Cái đều đặn của nhịp chẵn dường như rất thích hợp khi ta muốn gọi lên những gì bằng phẳng, bình yên, không biến cố, không trắc trở; và nếu có buồn thương tiếc nuối thì dường như nó cũng dịu dịu hơn, băng khuâng hơn. Nhịp lẻ thì ngược lại, hình như nó sinh ra là để cho ta có thêm một biện pháp âm thanh góp phần mô tả những duyên phận lỡ dở, những nỗi lòng đắng cay, những ước ao tan vỡ, những tâm cảm nghẹn ngào. Không phải ngẫu nhiên rằng trong những bài thơ buồn đau như “Lỡ bước sang ngang” hay “Thơ gửi thầy mẹ” ta lại gặp nhiều những câu thơ nhịp lẻ, người ta thống kê thấy trong “Lỡ bước sang

ngang” chẳng hạn: tất cả có 110 dòng (55 dòng Lục và 55 dòng Bát) thì Nguyễn Bình đã 25 lần dùng tới nhịp lẻ...

Hãy xem những câu thơ sau đây của Nguyễn Bình, nhịp chẵn ở cả hai dòng:

- Ai làm cả gió/ dất cau  
 Mấy hôm sương muối/ cho giàu đồ non  
 - Hồn tôi/ như vũng nước đầy  
 Em như cữ nắng/ bảy ngày chưa thôi  
 - Giếng thơi/ mưa ngập/ nước tràn  
 Ba gian/ đầy cả ba gian/ nắng chiều  
 - Thôn Đoài/ ngòi nhớ thôn Đông  
 Một người/ chín nhớ mười mong/ một người  
 - Hôm qua/ em đi tỉnh về  
 Đợi em/ ở mãi con đê/ đầu làng

và hãy so sánh chúng với những câu thơ lẻ nhịp ở cả hai dòng của ông, nghe sao mà đầy trắc trở:

- Mẹ trông theo/ mẹ thờ dài  
 Dây pháo đỏ/ bỗng/ vang trời nổ ran  
 - Nhưng em ơi/ Một đêm hè  
 Hoa xoan nở/ xác con ve hoàn hồn  
 - Chị/ từ lỗ bước/ sang ngang  
 Trời giống bão/ giữa tròng giang/ lật thuyền

nghe sao mà xót xa:

- Uống đi em/ uống cho say  
 Để trong mơ/ thấy những ngày xuân qua  
 - Thấy tình duyên/ của đôi ta  
 Đến đây là/ đến đây là/ là thôi

nghe sao mà tội nghiệp:

Xin thầy mẹ/ cứ yên tâm  
 Đùng thương nhớ/ một vài năm/ con về

nghe sao mà xa xăm, hun hút:

Anh đi đây/ anh về đâu  
 Cánh bướm nâu.../ cánh bướm nâu.../ cánh bướm

Rồi cả những cặp Lục Bát đôi lập, luân phiên hai nhịp, chẵn lẻ trước sau, rất tự nhiên, khéo léo của ông:

- *Thầy đừng nhớ/ mẹ đừng thương*  
*Cảm như đồng kềm/ ngang đường bỏ rơi!*  
*Thầy mẹ ơi/ thầy mẹ ơi*  
*Tiếc công thầy mẹ/ để người con hư!*  
 - *Đêm nay/ là trắng/ ba đêm*  
*Chị thương chị/ kiếp con chim lia đàn*  
*Trưa hè/ một buổi nắng to*  
*Gió tây nổi/ cánh đồng ngô/ rào rào*

Ngày bé tôi thường theo Mẹ về quê, một vùng bên kia sông Đuống.

Lớn lên tôi ít về quê hơn, mỗi năm chỉ một hai lần, thường là khi có việc.

Chỉ khi đã thành một “người trai”, tôi mới được đọc Nguyễn Bính, và ngay lập tức tôi say mê thơ ông, hơn hết thấy các nhà Thơ Mới cùng thời.

Ông làm tôi nhớ Quê!

Ông khiến tôi biết yêu Quê hơn!

Ông như một người tri âm tri kỷ mà trời ban riêng cho ta để ta được nghe cái tình Quê, cái hồn Quê ấy hát lên bằng những khúc điệu ca dao...

Thế mà đã sắp được 50 năm, qua thoáng, kể từ buổi chiều ấy - buổi chiều đầu tiên tôi được gặp ông trong thơ.

Đó là một chiều cả gió như ông từng viết, mà có lần, phấn khích, tôi đã liêu biếu báo thơ ông:

*Thơ ông như hoa cỏ may*  
*Một chiều cả gió bám đầy hồn tôi*

Nguyễn Bính ra đi đột ngột một ngày mưa rét lạnh giá Tết năm 1966. Có người khi đó bảo tôi: nếu khéo chữa chạy, có lẽ ông đã thoát...

Cũng có thể là như vậy! Nhưng tôi cứ nghĩ, vẫn mơ: Ông là Nhà thơ của những duyên phận lỡ làng, biết đâu những sự không may ấy rồi vẫn đã theo ông...

*Mùa Xuân, 2008*